

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG VÀ NGÀNH GẦN

STT	Tên chuyên ngành đào tạo	Ngành đúng, phù hợp	Ngành gần/ngành khác	Các môn học bổ sung kiến thức
1.	QUẢN TRỊ KINH DOANH (8340101)	<ul style="list-style-type: none">– Quản trị kinh doanh;– Kinh doanh thương mại.	<ul style="list-style-type: none">– Tài chính – Ngân hàng;– Bảo hiểm;– Kế toán;– Khoa học quản lý;– Chính sách công;– Quản lý công;– Quản trị nhân lực;– Hệ thống thông tin quản lý;– Quản trị văn phòng;– Quản lý khoa học và công nghệ;– Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp;– Quản lý công nghiệp;– Quản lý năng lượng;– Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	Căn cứ bảng điểm tốt nghiệp đại học, Khoa quản lý chuyên ngành xác định các môn học cần phải bổ sung.
			<ul style="list-style-type: none">– Các ngành khoa học sự sống;– Các ngành sinh học ứng dụng;– Các ngành khoa học tự nhiên;– Các ngành toán và thống kê;– Các ngành kỹ thuật;– Các ngành sản xuất và chế biến;– Các ngành kiến trúc và xây dựng;– Các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản;– Các ngành sức khỏe	<ul style="list-style-type: none">– Kinh tế vi mô (30 tiết);– Kinh tế vĩ mô (30 tiết);– Nguyên lý quản trị (30 tiết);– Nguyên lý kế toán (30 tiết);– Nguyên lý Marketing (30 tiết);– Thống kê trong kinh doanh (30 tiết);– Tài chính tiền tệ (30 tiết);– Luật kinh doanh (30 tiết).

			<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ Anh; - Ngôn ngữ Pháp; - Ngôn ngữ Trung Quốc; - Ngôn ngữ Đức; - Ngôn ngữ Nhật; - Ngôn ngữ Hàn Quốc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán kinh tế 1, 2, 3 (30 tiết)/học phần; - Kinh tế vi mô (30 tiết); - Kinh tế vĩ mô (30 tiết); - Nguyên lý quản trị (30 tiết); - Nguyên lý kế toán (30 tiết); - Nguyên lý Marketing (30 tiết); - Thống kê trong kinh doanh (30 tiết); - Tài chính tiền tệ (30 tiết); - Luật kinh doanh (30 tiết).
2.	TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (8340201)	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng; - Bảo hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán – Kiểm toán; - Kinh doanh thương mại; - Quản trị kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lý thuyết tài chính tiền tệ (30 tiết); - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (30 tiết); - Tài chính doanh nghiệp (30 tiết).
3.	KẾ TOÁN (8340301)	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán - Kế toán – Kiểm toán 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng; - Bảo hiểm - Quản trị kinh doanh; - Kinh doanh thương mại. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán tài chính (30 tiết); - Kế toán quản trị (30 tiết); - Kiểm toán (30 tiết); - Hệ thống thông tin kế toán (30 tiết).
4.	TOÁN ỨNG DỤNG (8460112)	<ul style="list-style-type: none"> - Toán ứng dụng; - Toán học; - Toán giải tích; - Phương trình vi phân và tích phân; - Đại số và lý thuyết số; - Hình học và tô pô; - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán học cho tin học; - Phương pháp toán sơ cấp; - Toán tin. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thống kê. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải tích hàm nâng cao (30 tiết); - Giải tích số (30 tiết); - Giải tích thực (30 tiết); - Phương trình đạo hàm riêng (30 tiết).

5.	KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG (8520320)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu; - Kỹ thuật vật liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hộ lao động; - Khoa học môi trường; - Các ngành kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường; - Các ngành chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống; - Các ngành xây dựng. <p>Yêu cầu: 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vi sinh kỹ thuật môi trường (30 tiết); - Hóa kỹ thuật môi trường (30 tiết); - Sinh thái môi trường (30 tiết); - Quá trình công nghệ môi trường (30 tiết).
6.	BẢO HỘ LAO ĐỘNG (8900103)	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo hộ lao động. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành Kỹ thuật cơ khí và cơ kỹ thuật; - Các ngành kỹ thuật, điện, điện tử và viễn thông; - Các ngành kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường; - Các ngành vật lý kỹ thuật; - Các ngành kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; - Các ngành kỹ thuật mỏ; - Các ngành chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống; - Các ngành sản xuất, chế biến sợi vải, giày, da; - Các ngành xây dựng. <p>Yêu cầu: 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở khoa học Bảo hộ lao động (30 tiết); - Pháp luật Bảo hộ lao động và bảo vệ môi trường (30 tiết); - Quản lý bảo hộ lao động và môi trường doanh nghiệp (30 tiết); - Kỹ thuật an toàn chung (30 tiết).
7.	KỸ THUẬT HÓA HỌC (8520301)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật hóa học; - Kỹ thuật hóa dầu và lọc dầu; - Kỹ thuật vật liệu; - Kỹ thuật vật liệu kim loại; - Kỹ thuật dệt; - Kỹ thuật môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa học; - Hóa vô cơ; - Hóa hữu cơ; - Hóa phân tích; - Hóa lí thuyết và hóa lí; - Hóa môi trường; - Khoa học vật liệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quá trình cơ học (30 tiết); - Quá trình truyền nhiệt (30 tiết); - Quá trình truyền khối (30 tiết); - Hóa lý (30 tiết).

8.	KỸ THUẬT XÂY DỰNG (8580201)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; - Kỹ thuật xây dựng công trình biển; - Kỹ thuật xây dựng công trình ngầm; - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Địa kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật tài nguyên nước; - Kỹ thuật cấp thoát nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế xây dựng; - Quy hoạch đô thị; - Quản lý xây dựng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sức bền vật liệu (30 tiết); - Cơ học kết cấu (30 tiết); - Kết cấu thép (30 tiết); - Kết cấu nhà bê tông cốt thép (30 tiết); - Tính toán kc bằng SAP 2000 (30 tiết); - Cơ địa nền móng (30 tiết).
9.	LUẬT KINH TẾ (8380107)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật; - Luật hiến pháp và luật hành chính; - Luật dân sự và tố tụng dân sự; - Luật hình sự và tố tụng hình sự; - Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; - Lý luận và lịch sử Nhà nước và pháp luật; - Luật kinh tế; - Luật quốc tế. 		
10.	LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH (8140111)	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ Anh 		

11.	MỸ THUẬT ỨNG DỤNG (8210410)	<ul style="list-style-type: none"> - Mỹ thuật ứng dụng; - Lý luận và lịch sử mỹ thuật ứng dụng; - Thiết kế công nghiệp; - Thiết kế đồ họa; - Thiết kế thời trang; - Thiết kế mỹ thuật sân khấu, điện ảnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lý luận và lịch sử mỹ thuật; - Mỹ thuật tạo hình; - Hội họa; - Đồ họa; - Điêu khắc; - Gốm; - ... 	<ul style="list-style-type: none"> - Tư duy thiết kế (30 tiết); - Thiết kế ứng dụng (30 tiết).
12.	KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG (8580205) Chương trình giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; - Công nghệ kỹ thuật giao thông; - Khai thác vận tải; - Kinh tế vận tải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch vùng và đô thị; - Kỹ thuật công trình xây dựng; - Kỹ thuật công trình thủy; - Kỹ thuật xây dựng; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Kinh tế xây dựng; - Quản lý xây dựng; - Kinh tế; - Quản trị kinh doanh; - Bất động sản; - Khoa học quản lý; - Hệ thống thông tin quản lý; - Toán ứng dụng; - Thống kê; - Quản lý công nghiệp; - Kinh tế công nghiệp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các phương pháp định lượng (45 tiết); - Quy hoạch giao thông đô thị (45 tiết); - Kỹ thuật giao thông (45 tiết); - Quản lý dự án (45 tiết).
13.	KHOA HỌC MÁY TÍNH (8480101)	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Kỹ thuật phần mềm; - Hệ thống thông tin; - Kỹ thuật máy tính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ thông tin; - An toàn thông tin; - Quản lý công nghệ thông tin; - Quản lý hệ thống thông tin; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Toán rời rạc (45 tiết); - Tin học cơ sở (45 tiết).

14.	KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA (8520216)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Hệ thống radar-dẫn đường; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật mật mã; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biển. - Kỹ thuật cơ điện tử; 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ kỹ thuật; - Kỹ thuật cơ khí; - Kỹ thuật nhiệt; - Kỹ thuật cơ khí động lực; - Kỹ thuật công nghiệp; - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Vi xử lý (45 tiết); - PLC (30 tiết). <p><i>Ghi chú:</i> Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNĐH, nếu không có phải học bổ sung.</p>
15.	KỸ THUẬT ĐIỆN (8520201)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Hệ thống radar-dẫn đường; - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật mật mã; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biển; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quản lý năng lượng; - Quản lý công nghiệp; - Bảo hộ lao động; - Kinh tế công nghiệp; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Tự động hóa sản xuất; - Tin học công nghiệp (PFIEV); - Kỹ thuật máy tính; - Công nghệ thông tin; - Cơ khí nhiệt; - Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; - Su phạm kỹ thuật (các chuyên ngành liên quan). - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp điện (45 tiết); - Nhà máy điện và trạm biến áp (45 tiết). <p><i>Ghi chú:</i> Đây là 02 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật điện, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNĐH, nếu không có phải học bổ sung.</p>

16.	KỸ THUẬT VIỄN THÔNG (8520208)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật viễn thông; - Kỹ thuật điện; - Kỹ thuật điện tử; - Hệ thống radar-dẫn đường; - Kỹ thuật mật mã; - Kỹ thuật y sinh; - Kỹ thuật cơ điện tử; - Kỹ thuật thủy âm; - Kỹ thuật biển; - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ thuật máy tính; - Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; - Hệ thống thông tin; - Công nghệ thông tin; - Hoặc các ngành/chuyên ngành không có tên nêu trên nhưng có chương trình đào tạo chỉ khác so với chương trình ngành Kỹ thuật điện của Trường ĐH Tôn Đức Thắng dưới 40% tổng số tiết (hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Truyền thông tương tự và số (45 tiết); - Xử lý số tín hiệu (45 tiết); - Mạng truyền số liệu (45 tiết). <p><i>Ghi chú:</i> Đây là 03 môn học bắt buộc trong CTĐT đại học ngành Kỹ thuật viễn thông, do vậy yêu cầu phải hoàn thành trong bảng điểm TNDH, nếu không có phải học bổ sung.</p>
17.	XÃ HỘI HỌC (8310301)	<ul style="list-style-type: none"> - Xã hội học; - Nhân học; - Dân tộc học; - Phát triển bền vững; - Phát triển con người; - Quyền con người. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế học; Kinh tế chính trị; Kinh tế phát triển; Kinh tế quốc tế; - Thống kê kinh doanh; Toán kinh tế; - Quản lý kinh tế; - Chính trị học; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Hồ Chí Minh học; - Quan hệ quốc tế; - Tâm lý học; - Địa lý học; - Quốc tế học; - Châu Á học; Đông phương học; Trung Quốc học; Nhật Bản học; Đông Nam Á học; Việt Nam học. <p>Tốt nghiệp đại học không đúng ngành Xã hội học (không thuộc đối tượng 1 và đối tượng 2), có thâm niên công tác ít nhất từ 02 năm trở lên tại các cơ quan có chức năng giải quyết các vấn đề về xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xã hội học đại cương (30 tiết); - Lý thuyết xã hội học đương thời (30 tiết). <ul style="list-style-type: none"> - Xã hội học đại cương (30 tiết); - Lý thuyết xã hội học đương thời (30 tiết); - Tin học chuyên ngành (30 tiết); - Phương pháp nghiên cứu định lượng (30 tiết); - Phương pháp nghiên cứu định tính (30 tiết); - Phương pháp nghiên cứu định tính (30 tiết).

18.	QUẢN LÝ THỂ DỤC THỂ THAO (8810301)	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục thể chất; - Huấn luyện thể thao; - Quản lý thể thao; - Y sinh học thể thao; - Truyền thông thể thao; - Thể thao giải trí; - Sư phạm thể dục thể thao; - Quản trị kinh doanh; - Báo chí; - Truyền thông; - Quảng cáo; - Quan hệ công chúng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tài chính; - Kế toán; - Xã hội học; - Quan hệ quốc tế; - Ngôn ngữ Anh. <p>Yêu cầu : 01 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý thể thao và sự kiện</p>	
-----	---	--	--	--